


Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An Toàn Hóa Chất	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
Tên sản phẩm: Polymer Cationic hoặc Cationic polyacrylamide	
Số CAS: 9003-05-8	

PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

<ul style="list-style-type: none">- Tên thường gọi của chất: Hạt nhựa nguyên sinh xử lý nước Cationic polyacrylamide.- Tên thương mại: Polymer Cationic- Tên khác (không là tên khoa học): chất keo tụ hoặc là hạt nhựa nguyên sinh xử lý nước Cation polyacrylamide	Mã sản phẩm (nếu có): SPECFLOC C1492
Tên nhà Phân phối: Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup	Địa chỉ liên hệ: A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh Điện thoại: 0898.517.996
Mục đích sử dụng: Chất keo tụ xử lý nước	

PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Không chứa thành phần nguy hiểm	9003-05-8	$(C_2H_5NO)_n$	

PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm

1. **Mức xếp loại nguy hiểm :** không áp dụng
2. **Cảnh báo nguy hiểm :**

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

- Sản phẩm rất trơn khi tiếp xúc với môi trường có nước.
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng
 - + Mang bao tay, giày, kính, khẩu trang và quần áo bảo hộ khi tiếp xúc hay sử dụng
 - + Để tránh làm giảm chất lượng sản phẩm không nên dùng các vật chứa hay thiết bị bằng: sắt, đồng hoặc nhôm để chứa hay tiếp xúc với sản phẩm. Sản phẩm dễ hút ẩm, không để tiếp xúc trực tiếp ngoài không khí, nên để trong bao và đóng kín miệng bao.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: kích ứng khi tiếp xúc trực tiếp.
- Đường thở: Không gây kích ứng khi tiếp xúc.
- Đường da: Không gây kích ứng khi tiếp xúc.
- Đường tiêu hóa: gây hại khi nuốt phải.
- Đường tiết sữa: Chưa có thông tin.

PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt: Rửa ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút.
2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : rửa tay nhiều nước.
3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp: di chuyển đến nơi thoáng khí
4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Không có biện pháp cụ thể bắt buộc

PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy : khó cháy
2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: hợp chất halogen, hợp chất carbon
3. Các tác nhân gây cháy, nổ: sản phẩm sẽ cháy khi tiếp xúc trực tiếp tác nhân lửa.
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Phun nước hoặc sương, Cacbon dioxit
5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: quần áo phòng cháy và bình dưỡng khí

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Dùng xẻng nhỏ thu gom.
2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Dùng xẻng to thu gom trước khi rửa.

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất: thông gió
 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản: bảo quản ở nhiệt độ <math><40^{\circ}\text{C}</math>
-

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết : không áp dụng

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc.

- Bảo vệ mắt: mang kính bảo vệ mắt
- Bảo vệ thân thể: mặc quần áo bảo hộ
- Bảo vệ tay: mang bao tay
- Bảo vệ chân: mang giày bảo hộ

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: không áp dụng

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): không áp dụng

PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý: Hạt tinh thể	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$): không áp dụng
Màu sắc: Trắng	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): không áp dụng
Mùi đặc trưng: Không	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định: không áp dụng
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không áp dụng	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): $>150^{\circ}\text{C}$
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không áp dụng	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không áp dụng
Độ hòa tan trong nước: Giới hạn theo độ nhớt	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không áp dụng
Độ pH: 3-6 (dung dịch)	Tỷ lệ hoá hơi: không áp dụng
Khối lượng riêng (kg/m^3) 750	Các tính chất khác nếu có Nhiệt độ phân hủy: $>150^{\circ}\text{C}$

PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

1. Tính ổn định : bền, không bị phân hủy.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: sản phẩm của quá trình phân hủy có chứa carbon dioxide, carbon monoxide, ammonia, oxides of nitrogen, hydrogen chloride.
- Các phản ứng nguy hiểm: tránh tiếp xúc với vật liệu kiềm, sẽ bị ăn mòn bởi polymer.
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): không áp dụng
- Phản ứng trùng hợp: Không xảy ra

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

PHẦN XI: Thông tin về độc tính: theo nghiên cứu cho thấy không có độc tính với người sử dụng sản phẩm này. Do tính chất của sản phẩm có thể có gây kích ứng nhẹ cho mắt, da và đường hô hấp.

Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
LD 50	> 5000 mg/kg mg/l	Miệng	Chuột
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): Chưa có thông tin			
2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin			

PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường: Sản phẩm này được xếp vào loại không gây nguy hại môi trường.

1. Độc tính với sinh vật		
LOÀI SINH VẬT	Chu kỳ ảnh hưởng	KẾT QUẢ
thủy sinh Water Flea , EC 50	48hr	> 10-100mg/l
Cá , LC50	96hr	> 1-10 mg/l
2. Tác động trong môi trường - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: sản phẩm này không bị phân hủy sinh học		

PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : không áp dụng
3. Biện pháp tiêu hủy : xử lý nhiệt hoặc đốt tại các cơ sở có đăng ký.
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: hợp chất halogen, hợp chất carbon

PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 13/2003/NĐ-CP - 29/2005/NĐ-CP - 02/2004/TT-BCN	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

PHẦN XV: Thông tin về luật pháp

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : không áp dụng
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký : không áp dụng

PHẦN XVI: Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn phiếu: 02/01/2023

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

HÒA VIỆT
Chemgroup